



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

American Auditing

MỤC LỤC

Trang

1 BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1 - 2

2 BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3

3 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4 - 7

4 BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

8

5 BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

9 - 10

6 THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

11 - 28

324
CỘ
ÁCH N
T. P
1-7

324
CỘ
H N H
M 1
T. P

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1 CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 6000/QĐ-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064091 ngày 15 tháng 01 năm 1998 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0300756478 thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Hoạt động chính của công ty:

Sản xuất sơn, vécni và các chất sơn, quét tường tự; sản xuất mực in và ma bit. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Công ty có trụ sở chính tại: 414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU VÀ BÀN LÊ SẢN PHẨM

414 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

Lô A12b, Khu công nghiệp Hiệp Phước Đường Số 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

2 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội Đồng Quản Trị

Bà Trần Thị Bích Hằng

Ông Nghiêm Quốc Bình

Ông Nguyễn Thanh Huỳnh

Ông Nguyễn Thanh Xuân

Ông Đinh Văn Hậu

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Phó Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Mai Thị Minh Tâm

Ông Phạm Minh Quang

Ông Nguyễn Sử Thái

Trưởng Ban

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Trần Thị Bích Hằng

Ông Nghiêm Quốc Bình

Ông Đinh Văn Hậu

Tổng Giám Đốc

Phó Tổng Giám Đốc

Kế Toán Trưởng

3 KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2014	Năm 2013
- Doanh thu thuần	395,713,648,400	367,694,060,292
- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh	33,702,709,780	29,057,526,202

4 TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc cam kết với Hội đồng Quản trị Công ty rằng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính hiện hành đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

6 KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho Công ty.

7 PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

Số: 126/2014/BCKT-AA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT, được lập tại ngày 28 tháng 01 năm 2015, từ trang 4 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN MỸ (AA)**NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH**

Phó Giám Đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0673-2013-070-1

TRẦN NGỌC HÙNG

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1084-2013-070-1

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		105,569,170,987	98,435,209,380
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		2,610,429,949	391,112,878
1. Tiền	111		2,610,429,949	391,112,878
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,768,493,112	10,560,828,730
1. Phải thu khách hàng	131		16,192,817,085	4,737,752,346
2. Trả trước cho người bán	132		395,000,000	4,877,607,600
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		180,676,027	945,468,784
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		86,020,620,654	87,038,989,876
1. Hàng tồn kho	141		86,020,620,654	87,038,989,876
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		169,627,272	444,277,896
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	275,209,712
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		142,727,272	149,068,184
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		26,900,000	20,000,000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+240+250+260)	200		74,441,604,823	72,213,586,786
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		62,372,722,560	59,740,092,375
1. Tài sản cố định hữu hình	221		62,301,692,160	59,740,092,375
- Nguyên giá	222		102,275,318,236	94,031,243,036
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39,973,626,076)	(34,291,150,661)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		71,030,400	-
- Nguyên giá	228		88,788,000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(17,757,600)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01-DN(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tiền tệ: VND

III. Bất động sản đầu tư	240	-	-
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	12,068,882,263	12,473,494,411
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12,068,882,263	12,473,494,411
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	180,010,775,810	170,648,796,166

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01-DN

(Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		68,535,043,697	72,417,897,000
I. Nợ ngắn hạn	310		53,075,043,697	53,254,176,000
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		13,343,721,000	16,000,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		17,505,424,415	12,350,118,270
3. Người mua trả tiền trước	313		8,162,404	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		4,927,445,059	9,028,420,498
5. Phải trả người lao động	315		4,376,718,817	2,052,882,412
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		8,409,869,058	12,996,098,110
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,503,702,944	826,656,710
II. Nợ dài hạn	330		15,460,000,000	19,163,721,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		15,460,000,000	19,163,721,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		111,475,732,113	98,230,899,166
I. Vốn chủ sở hữu	410		111,475,732,113	98,230,899,166
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		69,000,000,000	34,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6,475,916,586	6,475,916,586
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13,448,500,000	38,000,000,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8,200,000,000	8,200,000,000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		14,351,315,527	11,054,982,580
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		180,010,775,810	170,648,796,166

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		391,112,878	1,043,339,881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		2,610,429,949	391,112,878

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2015

Đinh Văn Hậu
Kế Toán Trưởng



Trần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sơn Bạch Tuyết là công ty cổ phần được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số 6000/QĐ-UBCK ngày 24 tháng 10 năm 1997 của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064091 ngày 15 tháng 01 năm 1998 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu và số 0300756478 thay đổi lần thứ 6 ngày 28 tháng 3 năm 2014.

Trụ sở, Cửa hàng giới thiệu sản phẩm và bán lẻ sản phẩm của Công ty được đặt tại số 414 Nơ Trang Long, phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nhà máy sản xuất của công ty được đặt tại Lô A12b Khu Công nghiệp Hiệp Phước, đường số 1, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

2 Ngành nghề kinh doanh

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm sơn.

3 Tổng số nhân viên và người lao động

Số lao động đóng bảo hiểm là 155 vào quý 4/2014 (theo Thông báo "Kết quả đóng BHYT, BHTN, BHXH" năm 2014)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và các thông tư sửa đổi có liên quan của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành;
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4) được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành; và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5). Quyết định 100/2005/QĐ-BTC được hướng dẫn thực hiện bởi Thông tư 21/2006/TT-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được soạn lập dựa trên nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, thông lệ kế toán Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ ngoài nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CNXHVN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 Sử dụng các ước tính kế toán**

Việc soạn lập báo cáo tài chính phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đòi hỏi Ban Tổng Giám đốc phải đưa ra các ước tính và giả thiết có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho niên độ đang báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính.

2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

Các giao dịch bằng đơn vị tiền tệ khác với VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh. Chênh lệch tỷ giá từ việc quy đổi này sẽ được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí hoạt động tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với các tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ:

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VND tại ngày lập báo cáo tài chính được đánh giá lại chênh lệch tỷ giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

3 Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

4 Hàng tồn kho**a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:**

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kế khai thường xuyên**d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

5 Các khoản phải thu**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

b. Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí quản lý doanh nghiệp" trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)*Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm*

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Việc quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 (có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và được sử dụng thay thế cho Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009), cụ thể như sau:

a. TSCĐ hữu hình:***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Từ ngày 01/07/2013, đối với các tài sản cố định doanh nghiệp đang theo dõi, quản lý và trích khấu hao theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC nay không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định tại Điều 2 của Thông tư 45/2013/TT-BTC thì giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thời gian phân bổ không quá 3 năm kể từ ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	20 năm
Máy móc thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 7 năm
Súc vật, vườn cây lâu năm	
Tài sản cố định khác	5 - 8 năm

b. TSCĐ vô hình:

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính với thời gian khấu hao là ba (03) năm.

c. TSCĐ thuê tài chính***Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính***

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính bao gồm giá trị hợp lý của tài sản thuê và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì ghi theo giá trị hiện tại.

Giá trị hợp lý: là giá trị tài sản có thể được trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ sự hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

Giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài chính được tính căn cứ vào tỷ lệ lãi suất ngầm định hoặc tỷ lệ lãi suất được ghi trong hợp đồng thuê hoặc tỷ lệ lãi suất biên đi vay của bên thuê.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của doanh nghiệp đi thuê.

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản thuê khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời hạn thuê nếu thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

7 Ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là tài sản phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- (ii) Nguyên giá của bất động sản đầu tư phải được xác định một cách đáng tin cậy.

Bất động sản đầu tư phải được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư:

Áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại mà doanh nghiệp đang sử dụng.

8 Kế toán các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

(a) Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản khác từ công ty liên kết mà nhà đầu tư nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia được coi là phân thu hồi của các khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

(b) Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn ước tính vào thời điểm cuối năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác

Được ghi nhận theo giá gốc.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị góp vốn được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp nhận trong biên bản góp vốn.

Nguyên tắc kế toán hoạt động liên doanh dưới hình thức:

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát phản ánh trên tài khoản "Vốn góp liên doanh là Giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

Trường hợp góp vốn liên doanh bằng vật tư, hàng hóa

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa cao hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào thu nhập khác. Phần thu nhập khác do chênh lệch đánh giá lại vật tư, hàng hóa tương ứng với lợi ích của bên góp vốn liên doanh phải được hoãn lại và ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện. Khi cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát bán số vật tư, hàng hóa cho bên thứ ba độc lập, khoản doanh thu chưa thực hiện này được kết chuyển vào thu nhập khác.

Nếu giá đánh giá lại của vật tư, hàng hóa thấp hơn giá trị ghi trên sổ kế toán ở thời điểm góp vốn, thì khoản chênh lệch này được ghi nhận vào chi phí khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam (VND)	2.385.501.323	209.016.057
Ngân hàng Công Thương- CN 7	312.005.610	171.005.584
Ngân hàng HDBank	-	15.218.074
Quỹ đầu tư PTĐT	28.183.736	11.895.164
SINHAN BANK VIETNAM	24.549.978	10.897.235
Ngân hàng Á Châu	2.020.761.999	-
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (USD)	-	-
Tổng cộng	2.385.501.323	209.016.057
2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng cộng	-	-
3 Các khoản phải thu ngắn hạn	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
a. Phải thu khách hàng	16.192.817.085	4.737.752.346
Công ty TNHH Song Hà	653.399.196	1.135.821.390
Công ty TNHH TM DV Tân Khánh Lộc	2.857.283.212	346.519.688
Công ty TNHH TM Đạt Huế	4.995.293.644	1.462.952.395
Công ty TNHH TM Sản xuất S.T.T	2.718.031.709	125.167.922
Công ty TNHH TM Vận Tải Quang Huy	465.793.425	1.247.328.269
Công ty TNHH TM DV Nguyễn Mạnh	4.453.015.899	110.019.256
Công ty Cổ phần CARIC	-	52.623.984
Công ty Cổ phần Cơ khí Ngân hàng	-	58.354.995
Công ty CP Cơ Điện Thủ Đức	50.000.000	-
Công ty Tôn Đông Á	-	198.196.445
CN Công ty CP Phân bón Miền Nam	-	768.002
b. Trả trước nhà cung cấp	395.000.000	4.877.607.600
CN Công ty CP Phát Triển phần mềm ASIA	-	62.151.600
Công ty TNHH TM Tân Việt Hoa	120.000.000	4.700.000.000
Công ty TNHH MTV TM Phước Thành Đạt	-	72.336.000
CTY TNHH TM và DV PCCC Tân Tân Cảng	240.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ	35.000.000	-
c. Phải thu khác	180.676.027	945.468.784
Phải thu khác (các chi phí khác)	92.600.000	852.791.675
Chi phí lập bản vẽ nhà 414 Nơ Trang Long	32.872.300	32.872.300
Nộp thừa bảo hiểm xã hội	55.203.727	59.804.809
Tổng cộng	16.768.493.112	10.560.828.730
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần phải thu thương mại và phải thu khác	16.768.493.112	10.560.828.730

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

4 Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Hàng đang chuyển	-	-
Nguyên vật liệu	47,773,521,235	44,211,244,309
Công cụ dụng cụ	211,898,073	242,657,960
Chi phí SXKD dở dang	10,663,465,519	12,109,191,443
Thành phẩm	27,371,735,827	30,475,896,164
Hàng hóa	-	-
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Tổng cộng	86,020,620,654	87,038,989,876

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Giá trị thuần có thể thực hiện được

	86,020,620,654	87,038,989,876
--	----------------	----------------

5 Tài sản ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Thuế GTGT được khấu trừ	142,727,272	149,068,184
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-
Tạm ứng	6,900,000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	-	275,209,712
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	20,000,000	20,000,000
Tổng cộng	169,627,272	444,277,896

6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình (Xem phụ lục)**7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuê tài chính****8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền máy tính	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	88,788,000	-	88,788,000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	88,788,000	-	88,788,000
HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	17,757,600	-	17,757,600
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	17,757,600	-	17,757,600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	71,030,400	-	71,030,400

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

10 Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (***)

Giá trị thuần có thể thực hiện được

12 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kì	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Thuê đất KCN Hiệp Phước	12,371,195,590	-	353,462,736	12,017,732,854
TSCĐ chuyển thành CCDC	102,298,821	-	51,149,412	51,149,409
Tổng cộng	12,473,494,411	-	404,612,148	12,068,882,263

13 Tài sản dài hạn khác

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

14 Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngân hàng

Ngân hàng Shinhan

Vay đối tượng khác

Vay cá nhân

Vay dài hạn đến hạn trả

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính TP.HCM

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

5,000,000,000

4,000,000,000

5,000,000,000

4,000,000,000

2,000,000,000

6,000,000,000

2,000,000,000

6,000,000,000

6,343,721,000

6,000,000,000

6,343,721,000

6,000,000,000

13,343,721,000

16,000,000,000

15 Phải trả nhà cung cấp

a. Phải trả người bán

Nhà cung cấp nguyên liệu, vật tư, dịch vụ

b. Người mua trả tiền trước

Khách hàng mua hàng của Công ty

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

17,505,424,415

12,350,118,270

17,505,424,415

12,350,118,270

8,162,404

-

8,162,404

-

17,513,586,819

12,350,118,270

16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế GTGT phải nộp

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập cá nhân

Tổng cộng

SỐ CUỐI NĂM

SỐ ĐẦU NĂM

896,691,937

2,732,665,881

3,384,409,049

4,774,857,384

646,344,073

1,520,897,233

4,927,445,059

9,028,420,498

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

17 Chi phí phải trả

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng cộng	-	-

18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Kinh phí công đoàn	122,218,458	352,274,458
Bảo hiểm y tế	3,650,600	3,650,600
Cổ tức phải trả cổ đông	2,484,000,000	3,119,220,160
UBND Thành phố: tạm ứng di dời	-	2,287,202,892
Công ty REE tạm ứng liên doanh	5,800,000,000	5,800,000,000
Tiền thuê đất 414 Nơ Trang Long	-	1,400,000,000
Khác	-	33,750,000
Tổng cộng	8,409,869,058	12,996,098,110

19 Vay dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngân hàng	-	-
Vay đối tượng khác	15,460,000,000	19,163,721,000
Công ty cổ phần Đầu tư tài chính TP.HCM	-	6,343,721,000
Cá nhân	15,460,000,000	12,820,000,000
Tổng cộng	15,460,000,000	19,163,721,000

- Vay dài hạn Công ty cổ phần Đầu tư tài chính TP.HCM theo hợp đồng số 151/2008/HĐTD-QDT-TD để di dời nhà xưởng và đầu tư mới máy móc thiết bị của Công ty cổ phần Sơn Bạch Tuyết. Lãi suất vay là 1,6229%/tháng, thời gian vay là 60 tháng (5 năm), từ năm 2010 đến năm 2015, trong đó có 1 năm ân hạn. Thẻ chấp cho vay dài hạn là các tài sản hình thành từ vốn vay. Đến 31/12/2014 số dư nợ vay dài hạn phải trả là 6.343.721.000 VND, trong đó, theo lịch thanh toán nợ vay dài hạn, nợ vay phải trả trong năm 2015 là 6.343.721.000 VND.

- Vay dài hạn cá nhân gồm 35 hợp đồng với lãi suất là 1,5%/tháng, không có thẻ chấp tài sản và đều có thời hạn là 60 tháng (5 năm) trong đó có 28 hợp đồng đến hạn trả trong năm 2014, 6 hợp đồng sẽ đến hạn trả trong năm 2015 và 1 hợp đồng sẽ đến hạn trả trong năm 2017.

20 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tổng cộng	-	-

21 Vốn chủ sở hữu**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Xem phụ lục)****b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:**

	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Nhà nước	24,150,000,000	35.00%
Vốn góp của đối tượng khác	44,850,000,000	65.00%
Tổng cộng	69,000,000,000	100.00%

c. Cổ tức

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ tức đã công bố trên Cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

d. Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	690,000	345,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	690,000	345,000
- Cổ phiếu phổ thông	690,000	345,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	690,000	345,000
- Cổ phiếu phổ thông	690,000	345,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	100,000 VND	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	-	-
Doanh thu bán thành phẩm	391,685,262,044	364,003,845,470
Doanh thu khác	4,028,386,356	3,690,214,822
Tổng cộng	395,713,648,400	367,694,060,292

2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng cộng	-	-

3 Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	325,851,660,566	311,881,339,332
Giá vốn khác	4,028,386,356	3,690,214,822
Tổng cộng	329,880,046,922	315,571,554,154

4 Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi ngân hàng	10,389,466	9,738,157
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	-
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng cộng	10,389,466	9,738,157

5 Chi phí hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi vay	3,221,872,005	4,504,706,368
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	-	-
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	-	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	-
Tổng cộng	3,221,872,005	4,504,706,368

CÔNG TY CỔ PHẦN SON BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

6 Chi phí bán hàng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	2,052,104,754	1,263,250,159
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	201,938,000	94,530,000
Chi phí khấu hao TSCĐ	83,106,156	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	161,564,566	459,993,950
Chi phí bằng tiền khác	103,055,094	6,824,863
Tổng cộng	2,601,768,570	1,824,598,972

7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nhân viên	20,639,921,483	11,352,414,840
Chi phí đồ dùng văn phòng	606,122,985	373,950,744
Chi phí khấu hao TSCĐ	307,272,312	346,225,962
Thuế, phí và lệ phí	2,166,516,736	4,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	813,633,680	4,361,352,828
Chi phí bằng tiền khác	1,784,173,393	307,468,379
Tổng cộng	26,317,640,589	16,745,412,753

8 Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu nhập khác	2,287,000,000	-
Tổng cộng	2,287,000,000	-

9 Chi phí khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí khác	69,771	-
Tổng cộng	69,771	-

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35,989,640,009	29,057,526,202
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	40,043,104	-
- Các khoản điều chỉnh giảm (lỗ năm trước chuyển sang)	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	36,029,683,113	29,057,526,202
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7,926,530,285	7,264,381,551
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7,926,530,285	7,264,381,551

11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	28,063,109,724	21,793,144,651
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	28,063,109,724	21,793,144,651
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	690,000	345,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	40,671	63,169

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

12 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	338,678,478,228	292,481,519,376
Chi phí nhân công	10,989,827,002	18,031,147,032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,309,854,547	5,046,347,438
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,495,922,089	-
Chi phí bằng tiền khác	3,227,762,225	10,582,412,703
Tổng cộng	361,701,844,091	326,141,426,049

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao TSCĐ**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Khấu hao TSCĐ hữu hình	5,682,475,415	5,046,347,438
Khấu hao TSCĐ vô hình	-	-
Tổng cộng	5,682,475,415	5,046,347,438

2. (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện

Khoảng chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện là khoản lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo quy định của Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Số liệu của chỉ tiêu này phù hợp với số liệu tại Thuyết minh số VI.5 - Chi phí hoạt động tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính****3 Công cụ tài chính***Các loại công cụ tài chính*

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2,610,429,949	391,112,878
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	16,768,493,112	10,560,828,730
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-
Cộng	19,378,923,061	10,951,941,608
Công nợ tài chính		
Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	28,803,721,000	35,163,721,000
Phải trả người bán, Người mua trả tiền trước	17,513,586,819	12,350,118,270
Các khoản nợ tài chính khác	22,217,735,878	24,904,057,730
Cộng	68,535,043,697	72,417,897,000
Trạng thái ròng	(49,156,120,636)	(61,465,955,392)

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ gồm các khoản vay như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Tài sản tài chính**SỐ CUỐI NĂM**

Tiền và các khoản tương đương tiền	2,610,429,949	-	2,610,429,949
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	16,768,493,112	-	16,768,493,112
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
Cộng	19,378,923,061	-	19,378,923,061

SỐ ĐẦU NĂM

Tiền và các khoản tương đương tiền	391,112,878	-	391,112,878
Các khoản phải thu, Trả trước cho người bán	10,560,828,730	-	10,560,828,730
Các khoản đầu tư tài chính	-	-	-
Cộng	10,951,941,608	-	10,951,941,608

4 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán Mỹ (AA).

5 Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**Chỉ tiêu****SỐ CUỐI NĂM****SỐ ĐẦU NĂM****a. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**

Bố trí cơ cấu tài sản (%)

- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản

41.35%

42.32%

- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản

58.65%

57.68%

Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)

- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn

38.07%

42.44%

- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn

61.93%

57.56%

b. Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành (lần)

1.99

1.85

Khả năng thanh toán nhanh (lần)

0.37

0.21

NĂM NAY**NĂM TRƯỚC****c. Tỷ suất sinh lời**

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần

9.09%

7.90%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần

7.09%

5.93%

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản

19.99%

17.03%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản

15.59%

12.77%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

25.17%

22.19%

Đinh Văn Hậu
Kế Toán TrưởngTrần Thị Bích Hằng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SON BẠCH TUYẾT

414 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 01: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	70,035,605,214	17,911,256,504	5,357,704,256	566,892,767	159,784,295	94,031,243,036
- Mua trong năm	-	8,244,075,200	-	-	-	8,244,075,200
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo thống tư 45	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	70,035,605,214	26,155,331,704	5,357,704,256	566,892,767	159,784,295	102,275,318,236
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	18,439,210,074	13,187,342,195	2,111,254,478	487,045,284	66,298,630	34,291,150,661
- Khấu hao trong năm	3,383,757,048	1,668,109,259	577,873,536	29,136,648	23,598,924	5,682,475,415
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm theo thống tư 45	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	21,822,967,122	14,855,451,454	2,689,128,014	516,181,932	89,897,554	39,973,626,076
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
- Số đầu năm	51,596,395,140	4,723,914,309	3,246,449,778	79,847,483	93,485,665	59,740,092,375
- Số cuối năm	48,212,638,092	11,299,880,250	2,668,576,242	50,710,835	69,886,741	62,301,692,160

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay là

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện



CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN BẠCH TUYẾT

41/4 đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09-DN

(Theo Quyết Định số 15/2005/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006)

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

PHỤ LỤC 02: VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tính hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu:

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	34,500,000,000	6,475,916,586	30,000,000,000	8,200,000,000	7,413,276,235	86,589,192,821
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Bổ sung từ giảm thuế TNDN	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	21,793,144,651	21,793,144,651
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	8,000,000,000	-	(8,000,000,000)	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(4,968,000,000)	(4,968,000,000)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	-	-	(4,200,000,000)	(4,200,000,000)
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	-	(983,438,306)	(983,438,306)
Số dư cuối năm trước	34,500,000,000	6,475,916,586	38,000,000,000	8,200,000,000	11,54,982,580	98,230,899,166
Số dư đầu năm nay	34,500,000,000	6,475,916,586	38,000,000,000	8,200,000,000	11,54,982,580	98,230,899,166
Tăng vốn năm nay	34,500,000,000	-	-	-	-	34,500,000,000
Giảm vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	20,210,429,907	20,210,429,907
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	9,948,500,000	-	(9,948,500,000)	-
Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển tăng vốn cổ phần	-	-	(34,500,000,000)	-	-	(34,500,000,000)
Tăng / (Giảm) khác	-	-	-	-	(14,965,596,960)	(14,965,596,960)
Số dư cuối năm nay	69,000,000,000	6,475,916,586	13,448,500,000	8,200,000,000	14,351,315,527	111,475,732,113

1056-C
STY
48.044
18.11.11
0000